

Số: 1991 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v triển khai và phân công sử dụng các phân hệ phần mềm thuộc Hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư liên tịch 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT, ngày 12/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;
Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai sử dụng các phân hệ phần mềm thuộc Hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (danh mục chức năng theo Phụ lục 1).

Điều 2. Áp dụng đối với đào tạo cao học từ khóa 31; đối với đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa các lớp tuyển sinh từ tháng 7/2024.

Điều 3. Giao Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến quản trị hệ thống; xây dựng kế hoạch tập huấn và hướng dẫn sử dụng; cấp tài khoản cho các cá nhân sau khi nhận được đề nghị từ các đơn vị (theo Phụ lục 2); tiếp nhận thông tin phản hồi từ các đơn vị để xử lý các vấn đề phát sinh, bảo trì và nâng cấp hệ thống.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: HCTH, NC&ĐTTT.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1:
DANH SÁCH PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN PHỤ TRÁCH VÀ SỬ DỤNG
CÁC PHÂN HỆ PHẦN MỀM THUỘC HỆ THỐNG THÔNG TIN TỔNG THỂ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Kèm theo Quyết định số 1991/QĐ-ĐHV ngày 13/8/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

1. Các phân hệ phần mềm

- <https://usmart.vinhuni.edu.vn> : Triển khai các các phân hệ: Quản trị chung, Báo cáo phục vụ lãnh đạo, Quản lý hồ sơ người học, Quản lý đào tạo, Quản lý điểm, Quản lý thi, Quản lý thu chi đối với người học, Quản lý khảo sát Quản lý văn bằng, chứng chỉ, Quản lý phòng học, Quản lý tài sản, thiết bị, Quản lý ký túc xá.

- <https://congsu.vinhuni.edu.vn> : Triển khai phân hệ Cổng thông tin người học.

- <https://diploma.vinhuni.edu.vn> : Triển khai phân hệ Tra cứu thông tin văn bằng, chứng chỉ.

- <https://canbo.vinhuni.edu.vn> : Triển khai phân hệ cổng thông tin cán bộ và các phân hệ Quản lý cán bộ, Quản lý tiền lương, bảo hiểm, Quản lý định mức lao động và xác nhận giờ dạy.

2. Phân công thực hiện các chức năng

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
1. PHÂN HỆ QUẢN TRỊ CHUNG			
1.	Quản lý loại danh mục	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
2.	Cấu hình tham số hệ thống		
3.	Quản lý người dùng		
4.	Quản lý tài khoản sinh viên		
5.	Quản lý vai trò		
6.	Quản lý nhóm người dùng		
7.	Phân quyền chức năng tài khoản người dùng		
8.	Kiểm tra quyền chức năng		
9.	Tra cứu nhật ký hệ thống		
	Quản lý danh mục		
10.	Danh mục loại đơn vị	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
11.	Danh mục đơn vị trực thuộc		
12.	Danh mục dân tộc		
13.	Danh mục tôn giáo		
14.	Danh mục quốc tịch		
15.	Danh mục thành phần xuất thân		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
16.	Danh mục chức vụ Đảng		
17.	Danh mục chức vụ Đoàn thanh niên		
18.	Danh mục chức vụ Công đoàn		
19.	Danh mục loại chứng chỉ bồi dưỡng		
20.	Danh mục ngoại ngữ		
21.	Danh mục ngân hàng		
2. PHÂN HỆ BÁO CÁO PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO			
22.	Báo cáo chung (bản làm việc)	Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu
23.	Báo cáo về cơ cấu, số lượng cán bộ		
24.	Báo cáo về số lượng người học		
25.	Báo cáo về tài chính		
26.	Báo cáo cơ sở vật chất, phòng học		
3. PHÂN HỆ QUẢN LÝ HỒ SƠ NGƯỜI HỌC			
27.	Quản lý đợt nhập học	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Phòng CTCT HSSV; Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
28.	Danh sách trúng tuyển	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT; Phòng CTCT HSSV;
29.	In giấy báo trúng tuyển	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
30.	Thiết lập thành phần hồ sơ theo đợt nhập học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
31.	Danh sách sinh viên nộp hồ sơ trực tuyến	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
32.	Xác nhận sinh viên nhập học trực tuyến đã nộp hồ sơ bản cứng	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
33.	Thu hồ sơ (nhập học trực tiếp)		
34.	Thống kê nhập học		
35.	Hồ sơ nhập học		
36.	Báo cáo nhập học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng KH-TC
37.	Danh sách sinh viên nhập học		
38.	Danh sách người học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
39.	Cập nhật hồ sơ người học		
40.	Xem thông tin hồ sơ người học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Đơn vị quản lý đào tạo; Cố vấn học tập; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Văn
41.	Xem hồ sơ số hóa của người học		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
			phòng khoa (viện); Trung tâm ĐBCL; Bộ phận 1 cửa - Phòng HCTH; Trung tâm HTSV&QHDN; Phòng TTr-PC
42.	In lý lịch người học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên
43.	Biên chế, chuyển lớp hành chính cho người học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trường Mầm non thực hành (đối với hệ Mầm non); Trường TH, THCS & THPT THSP (đối với hệ Tiểu học, THCS & THPT)
44.	Danh mục lớp hành chính	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
45.	Đợt cập nhật hồ sơ người học		
46.	Rà soát thông tin người học cập nhật		
47.	Danh sách người học thuộc diện quá thời hạn học tập	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
48.	Danh sách quyết định chuyển ngành	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
49.	Báo cáo tổng hợp người học theo trạng thái	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Đơn vị quản lý đào tạo; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên
50.	Báo cáo tổng hợp người học theo ngành		
51.	Báo cáo tổng hợp người học theo khóa học		
52.	Báo cáo danh sách người học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Đơn vị quản lý đào tạo; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Bộ phận 1 cửa - Phòng HCTH; Phòng TTr-PC
53.	Báo cáo danh sách người học theo đối tượng chính sách	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Đơn vị quản lý đào tạo; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên
54.	Báo cáo danh sách người học theo đối tượng đào tạo		
	Quản lý điểm rèn luyện		
55.	Cấu hình công thức tính xếp loại điểm rèn luyện	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
56.	Phân quyền nhập điểm theo sinh viên		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
57.	Phân quyền nhập điểm theo lớp hành chính		
58.	Điểm rèn luyện bất thường		
59.	Thống kê điểm rèn luyện		
60.	Thông báo điểm rèn luyện		
61.	Cập nhật điểm rèn luyện theo sinh viên	Phòng CTCT-HSSV	Trợ lý quản lý sinh viên
62.	Cập nhật điểm rèn luyện theo lớp hành chính		
63.	Import điểm rèn luyện		
64.	Báo cáo danh sách xếp loại rèn luyện theo lớp	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
65.	Báo cáo danh sách xếp loại rèn luyện theo lớp, ngành, khóa, khoa		
66.	Báo cáo tổng hợp rèn luyện theo ngành, khóa, viện		
67.	Tổng hợp theo từng khoa, viện toàn trường	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
68.	Danh sách xếp rèn luyện toàn khóa của khoa, viện		
69.	Tổng hợp rèn luyện toàn khóa học theo ngành của khoa, viện toàn trường		
70.	Tổng hợp rèn luyện toàn khóa toàn trường		
	Quản lý cấp phát thẻ		
71.	Quản lý đợt cấp thẻ	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
72.	Thống kê đợt cấp thẻ	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên
	Quản lý nội ngoại trú		
73.	Thống kê danh sách sinh viên nội trú	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trung tâm Nội trú; Trợ lý quản lý sinh viên
74.	Thống kê danh sách sinh viên ngoại trú		
75.	Thống kê theo loại cư trú		
	Quản lý Quyết định học tập		
76.	Danh sách quyết định học tập	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trường Mầm non thực hành (đối với hệ mầm non); Trường TH, THCS & THPT THSP (đối với hệ Tiểu học, THCS & THPT)

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
77.	Thống kê theo trạng thái người học	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên
	Hỗ trợ đợt xuất		
78.	Đợt hỗ trợ đợt xuất	Trung tâm HTSV&QHDN	Trung tâm HTSV&QHDN; Phòng CTCT-HSSV
79.	Thống kê	Trung tâm HTSV&QHDN	Trung tâm HTSV&QHDN; Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng KH-TC
	Quản lý miễn giảm		
80.	Danh mục đối tượng miễn giảm	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
81.	Danh mục định mức miễn giảm		
82.	Quản lý định mức theo nhóm ngành		
83.	Quyết định miễn giảm		
84.	Xét miễn giảm		
85.	Thống kê	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC, Phòng KH-TC
	Quản lý học bổng KKHT		
86.	Phân công xét học bổng	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
87.	Danh mục mức học bổng		
88.	Phân bổ chỉ tiêu học bổng		
89.	Thiết lập định mức nhóm ngành		
90.	Đợt xét học bổng		
91.	Quyết định		
92.	Xét học bổng	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên
93.	Báo cáo thống kê	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC, Phòng KH-TC
	Quản lý học bổng tài trợ		
94.	Danh mục đối tượng	Trung tâm HTSV&QHDN	Trung tâm HTSV&QHDN; Phòng CTCT-HSSV
95.	Danh sách đợt		
96.	Đơn vị tài trợ		
97.	Định mức xét		
98.	Xét học bổng tài trợ		
99.	Thống kê	Trung tâm HTSV&QHDN	Trung tâm HTSV&QHDN; Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
	Hỗ trợ chi phí học tập		
100.	Xét hỗ trợ chi phí học tập	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
101.	Đối tượng hỗ trợ chi phí học tập		
102.	Thống kê	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
	Quản lý khen thưởng		
103.	Danh mục loại khen thưởng	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
104.	Danh sách đợt		
105.	Danh sách khen thưởng		
106.	Quyết định khen thưởng		
107.	Thống kê khen thưởng	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên
	Quản lý kỷ luật		
108.	Hình thức kỷ luật	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
109.	Quyết định kỷ luật		
110.	Cảnh báo hết hạn kỷ luật		
111.	Thống kê kỷ luật	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
	Quản lý đối tượng chính sách		
112.	Phân quyền quản lý đối tượng chính sách	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
113.	Quản lý đợt cập nhật hồ sơ đối tượng chính sách		
114.	Danh sách đơn chờ xét		
115.	Danh sách đối tượng chính sách		
116.	Thống kê	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
	Quản lý trợ cấp xã hội		
117.	Đối tượng trợ cấp xã hội	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
118.	Xét trợ cấp xã hội		
119.	Quyết định trợ cấp xã hội		
120.	Thống kê	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
	Quản lý thực hiện chính sách		
121.	Đợt thực hiện chính sách	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
122.	Xét hưởng chính sách		
123.	Quyết định thực hiện chính sách		
124.	Thống kê báo cáo	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC
	Quản lý danh mục		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
125.	Danh mục chính sách	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
126.	Danh mục loại đối tượng		
127.	Danh mục đối tượng chính sách		
128.	Danh mục nhóm đối tượng chính sách		
129.	Danh mục loại xét duyệt		
130.	Đợt xét duyệt		
131.	Danh mục điều kiện xét		
132.	Danh mục loại quyết định	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT; Phòng CTCT-HSSV
133.	Danh mục loại giấy tờ	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV
134.	Danh mục thành phần hồ sơ		
135.	Danh mục đơn vị cấp học bổng		
136.	Danh mục chương trình học bổng		
137.	Danh mục đối tượng đào tạo	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
138.	Danh mục hình thức tuyển sinh		
139.	Danh mục đối tượng ưu tiên		
140.	Danh mục đối tượng tuyển sinh		
141.	Danh mục trạng thái người học		
142.	Danh mục khu vực tuyển sinh		
143.	Danh mục quy ước mã sinh viên		
144.	Danh mục mẫu in nhập học		
145.	Danh mục học lực		
146.	Danh mục trường THPT	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
147.	Danh mục đơn vị liên kết		
	Công nhập học trực tuyến		
148.	Nộp hồ sơ nhập học trực tuyến	Phòng CTCT-HSSV	Người học
149.	Nộp lệ phí nhập học trực tuyến	Phòng KH-TC	Người học
150.	In biên lai xác nhận nộp tiền nhập học trực tuyến	Phòng KH-TC	Người học
4. PHÂN HỆ CÔNG THÔNG TIN NGƯỜI HỌC			
151.	Xem hồ sơ người học	Phòng CTCT-HSSV	Người học
152.	Cập nhật hồ sơ người học	Phòng CTCT-HSSV	Người học
153.	Cập nhật đối tượng chính sách		
154.	Xem thông báo		
155.	Trả lời khảo sát khảo sát		
156.	Tra cứu điểm rèn luyện	Phòng KH-TC	Người học
157.	Nạp tiền vào tài khoản		
158.	Xem nghĩa vụ tài chính	Đơn vị quản lý đào tạo	Người học
159.	Đăng ký học		
160.	Lập kế hoạch học tập		
161.	Đăng ký chứng chỉ		
162.	Xem kết quả đăng ký chứng chỉ		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
163.	Xem lịch học chứng chỉ	Trung tâm ĐBCL	Người học
164.	Tra cứu QĐ xử lý học vụ		
165.	Xem thời khóa biểu		
166.	Tra cứu khung chương trình		
167.	Tra cứu bảng điểm chi tiết		
168.	Tra cứu bảng điểm tổng hợp		
169.	Xem lịch thi		
170.	Đăng ký mượn phòng	Phòng QT&ĐT	Người học
171.	Tra cứu lịch sử đăng ký BHYT	Trạm Y tế	Người học
172.	Xem câu hỏi thường gặp	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Người học; Phòng CTCT-HSSV
173.	Đổi mật khẩu		
174.	Bảo quên mật khẩu		
5. PHÂN HỆ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO			
	Quản lý chương trình đào tạo		
175.	Cập nhật khung chương trình đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
176.	Thiết lập điều kiện chứng chỉ theo ngành		
177.	Cập nhật ràng buộc học phần		
178.	Cập nhật học phần thay thế		
179.	Rà soát hệ số học phí theo học phần		
180.	Rà soát chương trình đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo	Trợ lý đào tạo; Cố vấn học tập; Phòng TTr-PC
	Quản lý thời khóa biểu tín chỉ		
181.	Kế hoạch thời gian năm học	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
182.	Đợt khai báo kế hoạch học tập		
183.	Quản lý lớp học phần		
184.	Học phần chưa xếp TKB		
185.	Học phần đã xếp TKB		
186.	Dịch chuyển lịch học		
187.	Tham số xếp thời khóa biểu		
188.	Phân quyền quản lý phân công học phần		
189.	Xem thời khóa biểu	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Phòng TTr-PC, Trợ lý đào tạo; Trợ lý Quản lý sinh viên
190.	Xem thời khóa biểu tổng hợp		
191.	Báo cáo thống kê		
192.	Quản lý bộ môn phụ trách học phần	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Trợ lý đào tạo
193.	Phân công giảng dạy học phần		
194.	Khai báo kế hoạch giảng dạy		
195.	Đợt khai báo giảng viên lớp học phần		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
196.	Phân công giảng viên lớp học phần		
	Quản lý thời khóa biểu niên chế		
197.	Danh sách thời khóa biểu niên chế	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
198.	Phân quyền quản lý TKB		
	Quản lý đăng ký học		
199.	Quản lý đợt đăng ký học	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo;
200.	Thiết lập cố vấn học tập	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
201.	Đăng ký lớp học phần cho SV	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Cố vấn học tập
202.	Đăng ký theo lớp học phần		
203.	Đăng ký lớp hành chính		
204.	Đăng ký học theo lớp quản lý niên chế	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
205.	Báo cáo thống kê	Đơn vị quản lý đào tạo	Phòng CTCT-HSSV; Cố vấn học tập; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Trung tâm ĐBCL; Phòng TTr-PC
206.	Tra cứu học phí	Đơn vị quản lý đào tạo	Phòng CTCT-HSSV; Cố vấn học tập; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Trung tâm ĐBCL
	Quản lý học ngành 2		
207.	Đợt đăng ký học ngành 2	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
208.	Danh sách đăng ký học ngành 2		
209.	Thống kê đăng ký học ngành 2	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Cố vấn học tập; Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Phòng TTr-PC; Trung tâm ĐBCL;
	Quản lý phiếu giảng dạy		
210.	Duyệt phiếu giảng dạy	Trung tâm GDTX	Trung tâm GDTX
211.	Thu phiếu giảng dạy		
212.	Thanh toán phiếu giảng dạy		
	Quyết định xử lý học vụ		
213.	Danh sách đợt	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
214.	Xét xử lý học vụ		
215.	Quyết định xử lý học vụ		
216.	Thống kê	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo; Cố vấn học tập; Trợ lý đào tạo;

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
			Trợ lý quản lý sinh viên; Trung tâm ĐBCL
217.	Quản lý thông báo		
218.	Câu hỏi thường gặp	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT; Đơn vị quản lý đào tạo
219.	Thông báo	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Phòng KH-TC; Trung tâm ĐBCL
220.	Loại câu hỏi	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
221.	Danh mục loại thông báo		
222.	Danh mục mức độ thông báo		
	Quản lý danh mục		
223.	Danh mục nhóm ngành	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Phòng KH-TC
224.	Danh mục hình thức dạy	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
225.	Danh mục hình thức đào tạo		
226.	Danh mục trình độ đào tạo		
227.	Danh mục loại điểm		
228.	Danh mục công thức tính điểm		
229.	Danh mục phân tiết	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
230.	Danh mục tiết học		
231.	Danh mục loại đăng ký học		
232.	Danh mục loại kế hoạch học tập		
233.	Danh mục xếp loại tốt nghiệp		
234.	Danh sách quy đổi điểm hệ 4		
235.	Danh sách điểm đặc biệt		
236.	Quy ước kế hoạch		
237.	Quy chế đào tạo		
238.	Nhóm tham số quy chế		
239.	Tham số quy chế đào tạo		
240.	Danh mục khối kiến thức		
241.	Danh mục học phần		
242.	Danh mục loại học phần		
243.	Danh mục loại ràng buộc học phần		
244.	Danh mục kiểu học phần		
245.	Danh mục hệ đào tạo	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
246.	Danh mục khóa học		
247.	Danh mục học kỳ		
248.	Danh mục năm học		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
249.	Danh mục ngành học	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT; Đơn vị quản lý đào tạo
250.	Danh mục chuẩn đầu ra	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Đơn vị quản lý đào tạo
251.	Danh mục chủ đề		
252.	Danh mục điểm CLO		
253.	Danh mục mức độ		
254.	Danh mục công tác phí (hệ VLVH)	Trung tâm GDTX	Trung tâm GDTX
255.	Danh mục đơn giá đi đường (hệ VLVH)	Trung tâm GDTX	Trung tâm GDTX
256.	Danh mục hệ số quy đổi (hệ VLVH)		
257.	Danh mục quy đổi số ngày công tác (hệ VLVH)		
258.	Số tiết quy chuẩn (hệ VLVH)		
6. PHÂN HỆ QUẢN LÝ ĐIỂM			
	Quản lý điểm		
259.	Nhập điểm theo sinh viên	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Văn phòng khoa (viện)
260.	Nhập điểm theo lớp hành chính		
261.	Nhập điểm theo lớp học phần		
262.	Nhập điểm theo danh sách thi		
263.	Xem điểm theo danh sách thi		
264.	Nhập điểm theo túi bài chấm		
265.	Xem điểm theo túi bài chấm		
266.	Import điểm theo lớp hành chính	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
267.	Import điểm theo lớp học phần		
268.	Import điểm theo danh sách thi		
	Xử lý điểm sau thi		
269.	Nhập điểm vi phạm quy chế	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
270.	Danh mục loại vi phạm quy chế		
271.	Quản lý điểm phúc khảo		
	Quản lý điểm chuyển		
272.	Nhập điểm chuyển	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
273.	Danh sách sinh viên chuyển điểm		
274.	Danh sách thay thế điểm tự động		
275.	Chuyển điểm		
276.	Danh sách sinh viên đã chuyển điểm		
277.	Nhập điểm ngành 2		
278.	Thống kê điểm thay thế	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
279.	Yêu cầu sửa điểm		
280.	Lịch sử nhập điểm		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
	Quản lý phân quyền nhập điểm		
281.	Phân quyền cán bộ nhập điểm	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
282.	Phân quyền nhập điểm thành phần theo người học		
283.	Phân quyền nhập điểm thành phần theo người học		
284.	Phân quyền nhập điểm thành phần theo lớp hành chính		
285.	Phân quyền nhập điểm theo danh sách thi		
286.	Phân quyền nhập điểm theo túi bài chấm		
287.	Tra cứu lịch sử phân quyền		
	Quản lý in bảng điểm		
288.	In bảng điểm theo sinh viên	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Văn phòng khoa (viện); Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Cố vấn học tập; Phòng TTr-PC; Bộ phận 1 cửa (Phòng HCTH)
289.	In bảng điểm theo lớp học phần	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Văn phòng khoa (viện); Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Cố vấn học tập; Phòng TTr-PC
290.	In bảng điểm theo lớp hành chính	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Văn phòng khoa (viện); Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Cố vấn học tập; Phòng TTr-PC
291.	In bảng điểm theo danh sách thi	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Văn phòng khoa (viện); Trợ lý đào tạo; Phòng CTCT-HSSV; Phòng TTr-PC
292.	In bảng điểm theo danh sách phách		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
293.	Báo cáo thống kê	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Phòng CTCT- HSSV; Phòng TTr-PC
294.	Điểm tích lũy sinh viên	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Phòng CTCT-HSSV
7. PHÂN HỆ QUẢN LÝ THI			
	Quản lý xếp lịch thi		
295.	Danh sách học phần	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
296.	Đợt thi		
297.	Lập kế hoạch		
298.	Thống kê sinh viên chưa lập kế hoạch thi		
299.	Xếp lịch thi theo ngành		
300.	Xếp lịch thi theo học phần		
301.	Xem lịch thi tổng thể		
302.	Xếp phòng thi		
303.	Dịch chuyển lịch thi		
304.	Gán sinh viên vào danh sách thi		
305.	Chuyển ca thi sinh viên		
306.	In danh sách thi	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Văn phòng khoa (viện); Trợ lý đào tạo; Trợ lý QLSV; cán bộ được giao nhiệm vụ trực hệ thống thi TNKQ
307.	Quản lý danh sách sinh viên tham gia thi không hợp lệ	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
308.	Thống kê số lượng sinh viên dự thi theo ca thi		
309.	Thống kê chi tiết chứa phòng khả dụng	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
310.	Import lịch thi đã xếp CMC		
311.	Báo cáo	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Phòng TTr-PC
312.	Lịch thi sinh viên	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Văn phòng khoa (viện); Trợ lý đào tạo; Trợ lý quản lý sinh viên; Cố vấn học tập; Phòng TTr-PC
	Quản lý đăng ký thi		
313.	Đợt đăng ký thi	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
314.	Thiết lập phòng thi		
315.	Thống kê sinh viên đăng ký thi		
	Quản lý phách		
316.	Tạo túi bài chấm	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
317.	Tạo phách tự động		
318.	Tra cứu số phách		
319.	In danh sách túi bài chấm và số phách		
	Quản lý sinh viên vắng thi		
320.	Xử lý sinh viên vắng thi	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Phòng TTr-PC
321.	Thông kê SV vắng thi, thi lại	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL; Phòng TTr-PC
	Danh mục chung		
322.	Hình thức thi	Trung tâm ĐBCL	Trung tâm ĐBCL
323.	Hình thức thi mặc định		
324.	Thiết lập lịch bận		
325.	Thiết lập phòng thi		
8. PHÂN HỆ QUẢN LÝ THU CHI ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC			
	Quản lý thu nhập học		
326.	Quản lý gói thu	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
327.	Thu kinh phí nhập học		
328.	Rút kinh phí nhập học		
329.	Kết quả thu lệ phí		
	Thu chi trong quá trình đào tạo		
330.	Thu tiền trực tiếp	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC; Trường Mầm non thực hành (quyền tra cứu đối với hệ mầm non); Trường TH, THCS & THPT THSP (quyền tra cứu đối với hệ Tiểu học, THCS & THPT)
331.	Tính toán khoản thu	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
332.	Cập nhật khoản thu		
333.	Danh sách chi trả		
334.	Danh sách đợt chi trả		
335.	Kết quả chi trả		
336.	Chi tiền trực tiếp		
337.	Danh sách giao dịch chưa hoàn thành		
	Quản lý GDQP		
338.	Đợt đăng ký	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
339.	Quản lý khoản thu		
340.	Điểm danh khoản thu		
341.	Quyết toán khoản thu		
	Quản lý mua BHYT		
342.	Quản lý đợt mua		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
343.	Danh sách SV đủ điều kiện mua thẻ	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT; Trạm y tế
344.	Danh sách SV đăng ký không mua		
345.	Danh sách SV mua tại địa phương		
346.	Thống kê theo mã định danh		
347.	Cập nhật mã định danh		
348.	Thống kê số liệu cấp thẻ		
349.	Danh sách thẻ		
350.	Thống kê kết quả đăng ký		
351.	Tra cứu lịch sử đăng ký		
352.	Báo cáo		
353.	Quản lý đợt chuyển tiền	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
354.	Đợt trả tiền		
	Quản lý chứng chỉ		
355.	Cấu hình khoản thu	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
356.	Đợt đăng ký học chứng chỉ		
357.	Lớp chứng chỉ		
358.	Đợt thi ngắn hạn		
359.	Cấu hình giá chứng chỉ		
360.	Quản lý đăng ký chứng chỉ		
361.	Kết quả đăng ký tổng hợp	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
362.	Đợt đăng ký tài khoản		
363.	Cập nhật kết quả thi		
	Quản lý dịch vụ		
364.	Danh mục dịch vụ	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC; Trường Mầm non thực hành; Trường TH, THCS & THPT THSP
365.	Đợt đăng ký dịch vụ		
366.	Thông kê kết quả đăng ký		
367.	Quản lý đăng ký		
368.	Tra cứu lịch sử đăng ký		
369.	Thiết lập thời điểm tính phí		
370.	Khai báo không ăn		
371.	Thiết lập ngày nghỉ		
372.	Cập nhật phiếu ăn		
373.	Điểm danh dịch vụ		
374.	Quyết toán dịch vụ		
	Quản lý phân quyền		
375.	Quản lý tham số thu chi	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
376.	Phân quyền quản lý biên lai		
377.	Phân quyền hủy biên lai		
	Quản lý hệ số		
378.	Hệ số hệ đào tạo	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Phòng KH-TC
379.	Hệ số đối tượng đào tạo		
380.	Hệ số ngành		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
381.	Cập nhật hệ số dịch vụ	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
382.	Cấu hình hình thức miễn giảm		
	Quản lý đơn giá		
383.	Thiết lập đơn giá ngành	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
384.	Thiết lập đơn giá học phần		
385.	Tra cứu học phí		
386.	Truy thu học phí		
387.	Cấu hình nợ học phí		
	Quản lý danh mục		
388.	Danh mục cách phát sinh	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
389.	Danh mục khoản thu		
390.	Danh mục cách thu		
391.	Danh mục loại khoản thu		
392.	Danh mục nhóm khoản thu		
393.	Danh mục loại đơn giá		
	Báo cáo		
394.	Báo cáo tài chính	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC; Trường MNTH; Trường TH, THCS & THPT THSP
395.	Cấu hình chung	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
9. PHÂN HỆ QUẢN LÝ KHẢO SÁT			
396.	Đợt khảo sát	Phòng CTCT-HSSV	Phòng CTCT-HSSV; Trung tâm ĐBCL
397.	Phiếu đánh giá		
398.	Câu hỏi		
399.	Danh mục phạm vi		
400.	Báo cáo		
10. PHÂN HỆ QUẢN LÝ VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ			
401.	Danh mục loại văn bằng chứng chỉ	Phòng HCTH	Phòng HCTH; Đơn vị quản lý đào tạo
402.	Danh sách quyết định	Phòng HCTH	Phòng HCTH
403.	In/Xuất dữ liệu văn bằng chứng chỉ		
404.	Phụ lục văn bằng		
405.	Quản lý QĐ công nhận chứng chỉ		
406.	Quản lý danh sách sinh viên đạt chứng chỉ		
407.	Lịch sử import		
	Quản lý danh mục đào tạo		
408.	Danh mục vai trò xét tốt nghiệp	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
409.	Danh mục xếp loại tốt nghiệp		
410.	Đơn vị tham gia xác nhận dữ liệu xét tốt nghiệp		
411.	Danh mục xếp loại chứng chỉ		
412.	Thang điểm đánh giá học tập		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
413.	Quản lý danh sách người ký bảng điểm	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
	Xét chứng chỉ		
414.	Đợt xét chứng chỉ	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
415.	Đợt xét chứng chỉ theo khung CTĐT		
416.	Dự thảo quyết định		
417.	Danh sách chứng chỉ		
	Danh mục xét chứng chỉ		
418.	Thiết lập điều kiện xét chứng chỉ	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
419.	Danh mục xếp loại chứng chỉ		
	Xét tốt nghiệp		
420.	Công thức xét tốt nghiệp	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
421.	Đợt xét tốt nghiệp		
422.	Kết quả xét tốt nghiệp ban đầu		
423.	Tổng hợp xét điều kiện tốt nghiệp		
424.	Kết quả xét tốt nghiệp trình hội đồng		
425.	Xét điều kiện tốt nghiệp đơn vị	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Các đơn vị liên quan
11. PHÂN HỆ QUẢN LÝ PHÒNG HỌC			
426.	Danh sách phòng	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng Đào tạo; Trung tâm ĐBCL
427.	Lịch phòng	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT
428.	In lịch phòng		
429.	Đăng ký mượn phòng		
430.	Danh sách phiếu đăng ký mượn thiết bị		
431.	Báo cáo mượn phòng		
	Quản lý danh mục		
432.	Danh mục cơ sở đào tạo	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT
433.	Danh mục địa điểm dạy		
434.	Danh mục tòa nhà		
435.	Danh mục loại phòng		
436.	Danh mục kiểu phòng		
437.	Danh mục quy mô phòng		
438.	Danh mục mục đích mượn		
439.	Quy ước màu lịch phòng		
12. PHÂN HỆ QUẢN LÝ TÀI SẢN, THIẾT BỊ			
440.	Danh sách tài sản	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC; Cán bộ phụ
441.	Điều chuyển tài sản		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
			trách KKTS của các đơn vị
442.	Phiếu đề xuất tài sản	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
443.	Phiếu nhập tài sản		
444.	Phiếu xuất tài sản		
445.	Đợt kiểm kê		
446.	Phiếu kiểm kê		
447.	Nhập tài sản đầu kỳ	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
448.	Thống kê tài sản thanh lý		
449.	Đợt bảo dưỡng		
450.	Quản lý bảo dưỡng tài sản		
451.	Hợp đồng thiết bị		
452.	Quản lý thuê/mượn tài sản		
453.	Dự trù kinh phí		
454.	Tài sản mang vào/ra		
	Thống kê, báo cáo		
455.	Thống kê tài sản mang vào	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
456.	Thống kê tài sản mang ra		
457.	Thống kê thiết bị		
458.	Thống kê tăng giảm tài sản		
459.	Điều chuyển thiết bị		
	Quản lý danh mục		
460.	Danh mục loại tài sản	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
461.	Danh mục nhóm tài sản		
462.	Danh mục nhãn tài sản		
463.	Danh mục nhà sản xuất		
464.	Danh mục đơn vị tính		
465.	Danh mục kho		
466.	Danh mục vị trí kiểm kê		
467.	Danh mục vị trí		
468.	Danh mục kỳ chót		
469.	Danh mục đơn vị thuê		
13. PHÂN HỆ QUẢN LÝ KÝ TÚC XÁ			
470.	Quản lý phòng ký túc xá	Trung tâm Nội trú	Trung tâm Nội trú
	Quản lý hợp đồng		
471.	Quản lý hồ sơ	Trung tâm Nội trú	Trung tâm Nội trú; Phòng KH-TC
472.	Hợp đồng		
473.	Hợp đồng gia hạn		
474.	Hợp đồng thanh lý		
475.	Thống kê		
	Quản lý tài chính		
476.	Chốt số điện	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
477.	Chốt số nước		
478.	Chốt dịch vụ	Trung tâm Nội trú	Trung tâm Nội trú; Phòng KH-TC
479.	Thu tiền		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
480.	Biên lai		
481.	Thống kê kinh phí		
	Quản lý trực		
482.	Quản lý lịch trực	Trung tâm Nội trú	Trung tâm Nội trú
483.	Quản lý sổ giao ca		
484.	Quản lý xử lý vi phạm		
485.	Thống kê xử lý vi phạm		
	Quản lý danh mục		
486.	Danh mục khu vực	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT
487.	Danh mục tòa nhà		
488.	Danh mục khoảng cách tòa nhà		
489.	Danh mục loại thiết bị	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
490.	Danh mục nhóm thiết bị		
491.	Danh mục trạng thái thiết bị		
492.	Danh mục nguồn gốc tài sản	Phòng QT&ĐT	Phòng QT&ĐT; Phòng KH-TC
493.	Danh mục nhà cung cấp		
494.	Danh mục xuất xứ		
495.	Danh mục loại phiếu nhập xuất		
496.	Danh mục hàng hóa	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC; Phòng QT&ĐT
497.	Danh mục hình thức thanh toán	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
498.	Danh mục loại thu chi		
499.	Danh mục loại thanh toán		
500.	Danh mục xử lý	Trung tâm Nội trú	Trung tâm Nội trú
501.	Danh mục ca trực		
502.	Danh mục vi phạm		
503.	Danh mục loại phòng		
504.	Đối tượng thuê phòng		
505.	Danh mục ca trực		
506.	Danh mục vi phạm		
507.	Danh mục vị trí		
508.	Danh mục vị trí trực		
509.	Danh mục hình thức thuê phòng	Trung tâm Nội trú	Trung tâm Nội trú; Phòng KH-TC
510.	Danh mục giá điện nước		
511.	Danh mục giá phòng		
512.	Danh mục đối tượng miễn giảm		
513.	Danh mục loại hình miễn giảm		
514.	Danh mục dịch vụ		
515.	Danh mục loại dịch vụ		
516.	Phân loại phí điện nước		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
13. PHÂN HỆ QUẢN LÝ HỒ SƠ CÁN BỘ			
	Quản lý lý lịch		
517.	Cập nhật lý lịch cán bộ	Phòng TCCB	Phòng TCCB
518.	Cập nhật quan hệ gia đình		
519.	Cập nhật quá trình đào tạo		
520.	Cập nhật quá trình công tác		
521.	Cập nhật các loại chứng chỉ		
522.	Cập nhật thông tin ngoại ngữ		
523.	Quản lý hồ sơ, giấy tờ trực tuyến		
524.	Cập nhật thuộc tính cán bộ		
525.	Cập nhật trình độ chuyên môn		
	Quản lý các quyết định		
526.	Quyết định cử đi bồi dưỡng ngắn hạn (Tính giờ chuẩn)	Phòng TCCB	Phòng TCCB
527.	Quyết định cử đi công tác, biệt phái		
528.	Quyết định cử đi đào tạo chuyên môn (Tính giờ chuẩn)		
529.	Quyết định nghỉ hưu, thôi việc		
530.	Quyết định chức vụ quản lý (Tính giờ chuẩn)		
531.	Quyết định chức vụ Đảng (Tính giờ chuẩn)		
532.	Quyết định chức vụ Đoàn (Tính giờ chuẩn)		
533.	Quyết định chức vụ Công đoàn (Tính giờ chuẩn)		
534.	Quyết định miễn nhiệm chức vụ (Tính giờ chuẩn)	Phòng TCCB	Phòng TCCB
535.	Quyết định kiêm nhiệm khác		
536.	Quyết định biệt phái trở về		
537.	Quyết định luân chuyển đơn vị		
538.	Tra cứu các quyết định		
539.	Quyết định gia hạn thời gian đào tạo chuyên môn (Tính giờ chuẩn)		
540.	Quyết định tiếp nhận đi học chuyên môn trở về		
541.	Quyết định bổ nhiệm chức danh (Tính giờ chuẩn)		
542.	Quyết định phong học hàm (Tính giờ chuẩn)		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
543.	Quyết định kéo dài thời gian công tác		
544.	Quyết định hợp đồng biên chế		
545.	Quyết định hợp đồng dài hạn		
546.	Quyết định tập huấn, hội nghị, hội thảo (Không tính giờ chuẩn)		
547.	Quyết định tiếp nhận bồi dưỡng trở về		
548.	Quyết định chuyển, nâng ngạch lương		
549.	Quyết định nghỉ không lương		
	Quản lý khen thưởng/kỷ luật		
550.	Cập nhật thông tin khen thưởng	Phòng TCCB	Phòng TCCB
551.	Cập nhật thông tin kỷ luật		
	Thông kê, báo cáo		
552.	Lọc dữ liệu nâng cao	Phòng TCCB	Phòng TCCB
553.	In sách sách cán bộ theo chức danh		
554.	Thông kê cán bộ theo học hàm		
555.	Thông kê nhanh (Dashboard)		
556.	Báo cáo tổng hợp		
557.	Danh sách cán bộ, công chức kéo dài thời gian công tác		
558.	Báo cáo trích ngang lý lịch Đảng viên		
559.	Thông kê cán bộ theo danh hiệu thi đua hằng năm		
560.	Danh sách cán bộ được khen thưởng		
561.	Danh sách cán bộ bị kỷ luật		
	Quản lý đánh giá phân loại		
562.	Cập nhật xếp loại hàng tháng	Phòng TCCB	Phòng TCCB
	Quản lý danh mục		
563.	Danh mục ngạch lương	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Phòng TCCB
	Quản trị hệ thống		
564.	Phân quyền nhập danh mục hồ sơ (Công)	Phòng TCCB	Phòng TCCB
565.	Phân quyền nhập danh mục hồ sơ		
566.	Phân quyền cập nhật trường dữ liệu		
567.	Phân quyền cập nhật trường dữ liệu (Công)		
568.	Phân quyền chức năng		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
569.	Xem tình trạng phân quyền chức năng	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
570.	Quản lý nhóm người dùng (Công)	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT; Phòng TCCB
571.	Khôi phục mật khẩu người dùng		
572.	Cập nhật danh mục báo cáo		
573.	Phân quyền sử dụng báo cáo tổng hợp		
574.	Cập nhật danh mục báo cáo (Công)		
575.	Thiết lập các mẫu quyết định		
14. PHÂN HỆ QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, BẢO HIỂM			
576.	Nâng phụ cấp thâm niên	Phòng TCCB	Phòng TCCB
577.	Xét hưởng phụ cấp thâm niên		
578.	Nâng lương theo hệ số		
579.	Nâng lương trước thời hạn		
580.	Nâng phụ cấp vượt khung		
581.	Xét hưởng phụ cấp vượt khung		
582.	Tính truy lĩnh do điều chỉnh mức lương tốt thiếu		
583.	Tính truy lĩnh theo quyết định		
584.	Tính bảng lương tháng		
585.	Quản lý ốm đau, thai sản		
586.	Đối chiếu bảng lương với tháng trước		
587.	Báo cáo tình hình tiền lương (Dashboard)		
588.	Báo cáo tổng hợp nâng lương		
589.	Báo cáo nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo		
590.	Báo cáo kết quả nâng bậc lương		
591.	Báo cáo nâng lương trước thời hạn	Phòng TCCB	Phòng TCCB
592.	Báo cáo nâng hệ số vượt khung		
593.	Báo cáo xét hưởng thâm niên		
594.	Báo cáo xét hưởng vượt khung		
595.	Tra cứu bảng lương	Phòng TCCB	Phòng TCCB; Phòng KH-TC
15. PHÂN HỆ QUẢN LÝ ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG			
596.	Tỷ lệ miễn giảm	Phòng TCCB	Phòng TCCB
597.	Miễn giảm theo Chức vụ		
598.	Miễn giảm Đi học		
599.	Miễn giảm Ốm đau, thai sản		
600.	Cập nhật miễn giảm khác		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
601.	Bảng định mức tổng hợp	Phòng TCCB	Phòng TCCB; Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT
602.	Miễn giảm khác		
603.	Khởi tạo và cập nhật số liệu		
604.	Xử lý số liệu định mức		
605.	Kiểm tra định mức thanh toán		
606.	Xử lý đăng ký định mức nhóm	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
607.	Đơn giá thanh toán		
16. HỆ THỐNG QUẢN LÝ XÁC NHẬN GIỜ DẠY VÀ HOẠT ĐỘNG KHCN			
	Quản lý các hoạt động KHCN		
608.	Xác nhận kê khai bài báo	Phòng KH&HTQT	Phòng KH&HTQT
609.	Xác nhận kê khai đề tài/dự án		
610.	Xác nhận kê khai sách, giáo trình		
611.	Xác nhận kê khai hoạt động Seminar	Phòng KH&HTQT	Phòng KH&HTQT
612.	Phân khai giờ NCKH		
613.	Xem tổng hợp giờ NCKH		
614.	Thống kê, in ấn các báo cáo theo yêu cầu		
	Hệ Đào tạo chính quy		
615.	Quản lý lớp học phần chính quy	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
616.	Xem tình trạng kê khai		
617.	Xác nhận kê khai		
618.	Thanh toán thỉnh giảng		
	Hệ Đào tạo VLVH		
619.	Tổng hợp giờ theo kế hoạch	Trung tâm GDTX	Trung tâm GDTX
620.	Xem tình trạng kê khai		
621.	Xác nhận kê khai		
622.	Xác nhận phiếu dạy		
623.	Xem tình trạng xác nhận phiếu dạy		
624.	Thanh toán thỉnh giảng		
625.	Tra cứu lớp học phần		
	Hệ Đào tạo từ xa		
626.	Xem tình trạng kê khai	Khoa ĐTTT - Viện NC&ĐTTT	Khoa ĐTTT - Viện NC&ĐTTT
627.	Xác nhận kê khai		
628.	Xác nhận phiếu dạy		
629.	Xem tình trạng xác nhận phiếu dạy		
630.	Tra cứu lớp học phần		
	Hệ Đào tạo SDH		
631.	Xem tình trạng kê khai	Phòng Đào tạo SDH	Phòng Đào tạo SDH
632.	Xác nhận kê khai		
633.	Quản lý lớp học phần	Phòng Đào tạo SDH	Phòng Đào tạo SDH
634.	Thanh toán thỉnh giảng		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
635.	Cập nhật chuyên đề NCS, giờ hướng dẫn chuyển đổi		
	Tổng hợp kê khai, thanh toán		
636.	Xem tổng hợp kê khai	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
637.	Kiểm tra trùng giờ		
638.	Tổng hợp trùng giờ	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo; Phòng TTr-PC
639.	Tổng hợp kê khai và xác nhận thanh toán	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
640.	Chốt dữ liệu thanh toán		
641.	In bảng tổng hợp thanh toán		
17. PHÂN HỆ CÔNG THÔNG TIN CÁN BỘ			
	Công việc chung		
642.	Xem thông báo từ nhà trường	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
643.	Gửi thông báo		
644.	Xem lịch tuần		
645.	Đăng ký lịch tuần	Trưởng đơn vị cấp 2	Trưởng đơn vị cấp 2
646.	Duyệt lịch tuần	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
647.	Tổng hợp và đăng lịch tuần	Phòng HCTH	Phòng HCTH
	Công việc		
648.	Góp ý kiến	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
649.	Quản lý công lệnh		
650.	Theo dõi công lệnh		
651.	Phê duyệt công lệnh	Hiệu trưởng (công lệnh cấp 1); Trưởng đơn vị cấp 2 (công lệnh cấp 2)	Hiệu trưởng; Trưởng đơn vị cấp 2
652.	Thống kê báo cáo công lệnh	Phòng HCTH	Phòng HCTH
653.	Đóng dấu công lệnh		
654.	Lệnh điều xe		
655.	Tính thanh toán công lệnh	Phòng KH-TC	Phòng KH-TC
656.	Lập phiếu chi công lệnh		
657.	Thanh toán tiền xăng xe		
	Hồ sơ cá nhân		
658.	Hồ sơ cá nhân	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
659.	Quan hệ gia đình		
660.	Quá trình đào tạo		
661.	Quá trình công tác		
662.	Cập nhật thông tin ngoại ngữ		
663.	Lịch sử chức vụ, chức danh, đơn vị công tác		
664.	Hồ sơ số hóa		
665.	Lí lịch viên chức		
666.	Quản lý lí lịch viên chức		
667.	Bổ sung lí lịch viên chức		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
	Đánh giá xếp loại		
668.	Đánh giá xếp loại tháng tại đơn vị cấp 3	Trưởng đơn vị cấp 3	Trưởng đơn vị cấp 3
669.	Đánh giá xếp loại năm tại đơn vị cấp 3		
670.	Đánh giá xếp loại tháng tại đơn vị cấp 2	Trưởng đơn vị cấp 2	Trưởng đơn vị cấp 2
671.	Đánh giá xếp loại năm tại đơn vị cấp 2		
672.	Đánh giá xếp loại năm chấm cho đơn vị cấp 3		
673.	Khảo sát thực hiện nhiệm vụ đơn vị	Trưởng đơn vị cấp 2	Trưởng đơn vị cấp 2
674.	Xem đánh giá xếp loại tháng toàn trường	Phòng TCCB	Phòng TCCB
675.	Đánh giá xếp loại năm tại toàn trường		
676.	Thống kê tình hình đánh giá		
677.	Kết quả xếp loại tháng toàn trường		
678.	Đánh giá xếp loại tháng Trưởng đơn vị		
679.	Đánh giá xếp loại tháng cá nhân	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
680.	Đánh giá xếp loại năm cá nhân		
681.	Góp ý xếp loại tháng cho cá nhân		
682.	Đánh giá xếp loại tháng cá nhân khác		
683.	Đánh giá xếp loại năm Trưởng đơn vị	Ban Giám hiệu	Ban Giám hiệu
684.	Đánh giá xếp loại năm cho đơn vị	Trưởng đơn vị cấp 2; Trưởng đơn vị cấp 3	Trưởng đơn vị cấp 2; Trưởng đơn vị cấp 3
685.	Đánh giá xếp loại năm đơn vị toàn trường	Hội đồng/tổ đánh giá theo QĐ của nhà trường	Hội đồng/tổ đánh giá theo QĐ của nhà trường
686.	Đánh giá xếp loại năm Hội đồng trường		
687.	Đánh giá xếp loại năm Thẩm định phiếu cá nhân		
688.	Đánh giá xếp loại năm Thẩm định phiếu đơn vị		
689.	Đánh giá xếp loại tháng Thẩm định phiếu		
690.	Cấu hình tham số xếp loại	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT	Trung tâm CNTT - Viện NC&ĐTTT Phòng TCCB

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
	Hoạt động KHCN		
691.	Kê khai công trình khoa học đã công bố	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
692.	Kê khai hoạt động Seminar		
693.	Kê khai đề tài/dự án	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
694.	Kê khai sách, giáo trình		
695.	In lý lịch khoa học		
696.	Xem chi tiết giờ KHCN đã sử dụng		
697.	Kê Khai Hướng Dẫn NCS		
698.	HD SV NCKH/Bồi dưỡng HSG		
699.	Cập nhật thông tin khoa học		
700.	Thống kê giờ khoa học (Bộ môn)	Trưởng đơn vị cấp 3	Trưởng đơn vị cấp 3
701.	Thống kê giờ khoa học (Đơn vị)	Trưởng đơn vị cấp 2	Trưởng đơn vị cấp 2
702.	Quản lý lịch khoa học	Phòng KH&HTQT	Phòng KH&HTQT
	Kê khai giờ dạy		
703.	Đại học chính quy	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
704.	Hệ Vừa làm vừa học		
705.	Sau đại học		
706.	Trung học PT Chuyên		
707.	Thực hành Sư phạm		
708.	Hoạt động CM nghiệp vụ khác		
709.	Hệ Đào tạo từ xa		
710.	Kê khai hướng dẫn, phản biện đồ án, luận văn (Không kê đề thanh toán)		
711.	Kê khai hoạt động quy đổi giờ chuẩn khác		
712.	Xem định mức		
713.	Đăng ký nhóm định mức		Trưởng đơn vị cấp 3
714.	Lập hồ sơ thanh toán		
715.	Bảng thanh toán giờ dạy (Bộ môn)		
716.	Xác nhận đăng ký nhóm định mức đơn vị cấp 3	Trưởng đơn vị cấp 2	Trưởng đơn vị cấp 2
717.	Đơn vị xác nhận và chuyển hồ sơ thanh toán		
718.	Bảng thanh toán giờ dạy (Đơn vị)		
719.	Xác nhận đăng ký nhóm định mức đơn vị cấp 2	Phòng TCCB	Phòng TCCB
720.	Tổng hợp và xác nhận đăng ký nhóm định mức		

STT	Chức năng	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Đơn vị/cá nhân sử dụng
721.	Tổng hợp và chốt định mức lao động		
722.	Tổng hợp và chốt giờ khoa học	Phòng KH&HTQT	Phòng KH&HTQT
723.	Tổng hợp và chốt lớp học phần ĐHCQ	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo
724.	Tổng hợp và chốt lớp học phần VLVH	Trung tâm GDTX	Trung tâm GDTX
725.	Tổng hợp và chốt lớp học phần ĐTTX	Khoa ĐTTT - Viện NC&ĐTTT	Khoa ĐTTT - Viện NC&ĐTTT
726.	Tổng hợp và chốt lớp học phần SDH	Phòng Đào tạo SDH	Phòng Đào tạo SDH
727.	Tổng hợp và chốt lớp học phần THPT	Trường THPT Chuyên	Trường THPT Chuyên
728.	Tổng hợp và chốt lớp học phần THSP	Trường Mầm non thực hành, Trường TH, THCS & THPT THSP	Trường Mầm non thực hành, Trường TH, THCS & THPT THSP
729.	Tổng hợp và chốt hoạt động quy đổi giờ chuẩn khác	Đơn vị quản lý đào tạo	Đơn vị quản lý đào tạo
730.	Khai báo hoạt động giờ chuẩn khác		
	Tra cứu thông tin		
731.	Tra cứu thông tin tổng hợp	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động
732.	Tra cứu danh bạ cán bộ		
733.	Thống kê số lượng cán bộ	Phòng TCCB	Phòng TCCB
734.	Thống kê tình hình cán bộ		
735.	Thống kê thừa giờ		
736.	Tra cứu hồ sơ cán bộ		
737.	Thông tin tiền lương cán bộ		
	Hệ thống		
738.	Lấy lại mật khẩu	Viên chức, người lao động	Viên chức, người lao động

PHỤ LỤC 2:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHÂN QUYỀN CHỨC NĂNG CHO TÀI KHOẢN
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN TỔNG THỂ

Kính gửi: - Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến.

Tên tôi là: *<ghi rõ họ và tên>*

Đơn vị công tác: *<ghi rõ đơn vị công tác>*

Kính đề nghị Viện Nghiên cứu & Đào tạo trực tuyến cấp tài khoản và phân quyền chức năng cho các cán bộ trên hệ thống *<ghi rõ tên hệ thống>*, chi tiết trong bảng sau¹:

Tên chức năng	Họ và tên cán bộ			Ghi chú
	Nguyễn Văn A /tên tài khoản	Nguyễn Văn B /tên tài khoản		
Phân hệ 1				
Tên chức năng				
Tên chức năng				
Phân hệ 2				
Tên chức năng				
Tên chức năng				

Chúng tôi cam kết sử dụng tài khoản đã được cấp theo đúng chức năng, nhiệm vụ, luôn có ý thức giữ an toàn, an ninh tài khoản và chịu trách nhiệm trước nhà trường về mọi hoạt động của tài khoản trên phần mềm *<ghi rõ tên hệ thống>*.

Nghệ An, ngày tháng năm

VIỆN NC & ĐTTT

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

¹ Đánh dấu x vào ô tương ứng để đề nghị phân quyền chức năng cho cán bộ